

<p>KÍ HIỆU CÁC ĐẠI LƯỢNG KĨ THUẬT THÔNG DỤNG</p> <p>Đại lượng quang</p>	<p>TCVN 324 - 69</p>
	<p>Khuyến khích áp dụng</p>

Các đại lượng quang thông dụng được kí hiệu theo qui định trong bảng dưới đây :

Số thứ tự	Tên gọi đại lượng	Kí hiệu		Số thứ tự	Tên gọi đại lượng	Kí hiệu	
		chính	phụ			chính	phụ
1	Cường độ sáng	I		7	Độ rọi	E	
2	Quang thông	Φ		8	Lượng rọi	H	
3	Quang năng	Q	W				
4	Độ trưng	M					
	<p>Chi chú. $M = \frac{\Phi}{S}$</p> <p>Φ = quang thông</p> <p>S = bề mặt</p>						
5	Lượng sáng	C		9	Bước sóng	λ	
	<p>Chi chú. $C = I.t$</p> <p>I = cường độ sáng</p> <p>t = thời gian</p>			10	Số sóng	σ	v
6	Độ chói	L	B	11	Tốc độ ánh sáng (tốc độ sóng điện từ trong chân không)	c	
	<p>Chi chú. $L = \frac{I}{Scos\varphi}$</p> <p>I = cường độ sáng</p> <p>S = bề mặt</p> <p>φ = góc giữa phương quang thông với pháp tuyến của bề mặt nguồn sáng</p>			12	Năng lượng phát sóng	W	
				13	Mật độ thể tích năng lượng phát sóng	U	
				14	Độ tụ của các hệ quang học	D	
					<p>Chi chú. $D = \frac{1}{F}$</p> <p>F = tiêu cự</p>		
				15	Hệ số khúc xạ	n	

Chú thích :

1. Kí hiệu phụ nêu trong bảng chỉ được dùng để thay kí hiệu chính khi cần tránh nhầm lẫn trong trường hợp kí hiệu chính đã được dùng để biểu thị một đại lượng khác.

2. Được phép dùng các chỉ số khi cần phân biệt sự khác nhau giữa một số đại lượng có cùng một kí hiệu chung, ví dụ để biểu thị các quá trình, vật chất, vật liệu, loại tải trọng v.v... khác nhau, thuộc cùng một kí hiệu.

Chỉ số được đặt ở phía dưới bên phải của kí hiệu, có thể là con số (ví dụ : độ rọi của bóng đèn thứ nhất - E₁), có thể là chữ cái (ví dụ : Q_f).

Chỉ trong một số trường hợp đặc biệt mới ghi chỉ số ở phía trên và bên trái của kí hiệu. Nếu ghi ở bên phải về phía trên của kí hiệu thì nên cho trong dấu ngoặc (ví dụ : AW hoặc w(A)).

Trường hợp dùng nhiều chỉ số (ví dụ khi cần biểu thị nhiều đặc trưng) cho cùng một kí hiệu, cho phép phân cách các chỉ số đó bằng dấu phẩy khi cần thiết.